

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 07/12/2021  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Liễu**

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Bà Nguyễn Thị Lý,**

**2. Ông Lưu Văn Có.**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 352/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bình Phương T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: 42/19 Vườn D, phường Phước T, Nha T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn: Ông Lê Đức M**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 8 Huỳnh Thúc K, phường Phước T, Nha T.

Vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10/3/2021, bản tự khai ngày 14/6/2021 và biên bản hòa giải ngày 23/11/2021, nguyên đơn – bà Nguyễn Bình Phương T trình bày: Bà Nguyễn Bình Phương T và ông Lê Đức M tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Phước T, Nha T vào năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, hay xảy ra kinh cãi, vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông M.*

*\* Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/11/2021, bị đơn – ông Lê Đức M trình bày: Ông M hiện đang làm việc tại thành phố Hồ Chí M, ông M đã nhận được các giấy triệu tập của Tòa án, do diễn biến dịch bệnh Covid 19 ngày càng phức tạp nên ông M không thể trực tiếp đến Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang*

giải quyết vụ án được. Ông M xin giải quyết vụ án vắng mặt và đồng ý toàn bộ theo các quyết định của Tòa án.

**Về con chung:** Bà Nguyễn Bình Phương T xác nhận giữa bà và ông Lê Đức M có một con chung tên là Lê Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/6/2018. Bà T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bà Nguyễn Bình Phương T và ông Lê Đức M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại thành phố Nha T, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Nha T, tỉnh Khánh H. Do trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên dẫn đến việc bà T xin ly hôn. Xét việc ly hôn của bà T là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Bình Phương T và ông Lê Đức M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước T, Nha T vào năm 2017 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 104, cấp ngày 16/11/2017). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Bình Phương T khai trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, hay xảy ra kinh cãi, vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông M. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Trang ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**[2.2] Về con chung:** Bà Nguyễn Bình Phương T xác nhận giữa bà và ông Lê Đức M có một con chung tên là Lê Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/6/2018. Hiện tại cháu K đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, bà T có nghề nghiệp và nguồn thu nhập ổn định đảm bảo cho cháu K được phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con chung là cháu Lê Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/6/2018 cho bà Nguyễn Bình Phương T chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của bà T. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2.4] Về án phí:** Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định:* Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho nguyên đơn chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Bình Phương T ly hôn ông Lê Đức M.

**[2] Về con chung:** Giao cháu Lê Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/6/2018 cho bà Nguyễn Bình Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ông Lê Đức M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Đức M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[3] Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về án phí:** Bà Nguyễn Bình Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu tiền số AA/2017/0000705 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**[5] Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh H;
- VKSND TP. Nha T;
- Chi cục THADS Nha T;
- UBND phường Phước T, Nha T  
(GCNKH số 104, ngày 16/11/2017);
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Bùi Thị Bích Liễu**